

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH SƠN**

Số: 79/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Ninh Sơn, ngày 08 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2021
của huyện Ninh Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy
định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ
Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân
sách;
Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của Hội đồng nhân
dân huyện Ninh Sơn về phân bổ ngân sách địa phương năm 2021;
Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của Hội đồng nhân
dân huyện Ninh Sơn về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân
sách địa phương năm 2021;
Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 21/12/2020 của HĐND huyện
Ninh Sơn về việc kế hoạch đầu tư phát triển năm 2021;
Căn cứ Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của Ủy ban nhân
dân huyện Ninh Sơn về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 cho
các cơ quan, đơn vị thuộc huyện và dự toán thu, chi, tỷ lệ phân định nguồn thu cho
Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
Căn cứ Quyết định số 3668/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân
dân huyện Ninh Sơn về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2021;
Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch tại Tờ trình số 01/TTr-
TC-NS ngày 07/01/2021,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2021 của huyện
Ninh Sơn.

Chi tiết theo các biểu từ số 81/CKTC-NSNN đến biểu số 92/CKTC-NSNN
đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính
- Kế hoạch huyện, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định
thi này. /*mm*

Nơi nhận: *mm*

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Đăng trên trang thông tin điện tử UBND huyện;
- Văn phòng huyện ủy;
- Văn phòng HĐND và UBND huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Toà án nhân dân huyện;
- Các tổ chức chính trị - xã hội huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, TC-KH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Lê Ngọc Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH SƠN



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2021 của UBND huyện Ninh Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	297.171,00
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	70.520,00
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	37.320,00
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	33.200,00
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	226.631,00
-	Thu bổ sung cân đối	150.422,00
-	Thu bổ sung có mục tiêu	43.250,00
-	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	32.959,00
III	Các khoản thu quản lý qua ngân sách	
IV	Thu kết dư	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	297.151,00
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	253.901,00
1	Chi đầu tư phát triển	20.000,00
2	Chi thường xuyên	228.823,00
3	Dự phòng ngân sách	5.078,00
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	Chi các chương trình mục tiêu	43.250,00
1	Chi đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách địa phương	17.279,00
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	25.971,00
III	Chi từ nguồn thu để lại qua ngân sách	
IV	Chi từ nguồn tăng thu ngân sách năm 2021	
V	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH SƠN

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ
NĂM 2021**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2021 của UBND huyện Ninh Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	
I	Nguồn thu ngân sách	286.139,20
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	59.508,20
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	226.631,00
-	Thu bổ sung cân đối	150.422,00
-	Thu bổ sung có mục tiêu	43.250,00
-	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	32.959,00
-	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn thừa tại ngân sách huyện	
3	Thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước	
4	Thu kết dư	
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	286.139,20
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	264.032,32
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	22.106,88
-	Chi bổ sung cân đối	15.780,45
-	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	3.958,87
-	Thu bổ sung có mục tiêu	2.367,56
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	NGÂN SÁCH XÃ	
I	Nguồn thu ngân sách	33.118,68
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	11.011,80
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	22.106,88
-	Thu bổ sung cân đối	15.780,45
-	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	3.958,87
-	Thu bổ sung có mục tiêu	2.367,56
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	33.118,68

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH SƠN



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2021 của UBND huyện Ninh Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2021	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	73.000	70.520
I	Thu nội địa	73.000	70.520
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý	7.000	7.000
	- Thuế giá trị gia tăng	7.000	7.000
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Chi tiết theo sắc thuế)		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	19.600	19.600
	- Thuế giá trị gia tăng	18.830	18.830
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	400	400
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	70	70
	- Thuế tài nguyên	300	300
	- Thu khác ngoài quốc doanh		
5	Thuế thu nhập cá nhân	6.900	6.900
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	11.800	11.800
8	Thu phí, lệ phí	2.700	1.320
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.500	1.500
12	Thu tiền sử dụng đất	20.000	20.000
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
16	Thu khác ngân sách	3.300	2.200
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	200	200
II	Các khoản thu quản lý qua ngân sách		
II	Thu viện trợ		

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ
THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2021**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2021 của UBND huyện Ninh Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	297.151,00	264.032,32	33.118,68
A	Chi cân đối ngân sách huyện	253.901,00	223.617,62	30.283,38
I	Chi đầu tư phát triển	20.000,00	20.000,00	0,00
1	Chi đầu tư cho các dự án	20.000,00	20.000,00	
	Trong đó chia theo lĩnh vực:	0,00		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	0,00		
-	Chi khoa học và công nghệ	0,00		
	Trong đó chia theo nguồn vốn:	0,00		
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	20.000,00	20.000,00	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	0,00		
2	Chi đầu tư phát triển khác	0,00		
II	Chi thường xuyên	228.823,00	199.143,66	29.679,34
	Trong đó:	0,00		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	149.777,96	149.777,96	
2	Chi khoa học và công nghệ	0,00		
III	Dự phòng ngân sách	5.078,00	4.473,96	604,05
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0,00		
B	Chi các chương trình mục tiêu	43.250,00	40.414,70	2.835,30
I	Chi đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách địa phương	17.279,00	17.279,00	
II	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0,00		
1	Chương trình giảm nghèo bền vững	0,00		
2	Chương trình nông thôn mới	0,00		
III	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	25.971,00	23.135,70	2.835,30
1	Kinh phí hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ	2.065,00	2.065,00	
2	Kinh phí ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi	242,00	242,00	
3	Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo	1.620,00	1.620,00	

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
4	Kinh phí thực hiện chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ	2.251,00	2.251,00	
5	KP thực hiện BHYT cho đối tượng tham gia kháng chiến	98,00	98,00	
6	Kinh phí học sinh khuyết tật	72,00	72,00	
7	Kinh phí thường xuyên cho đối tượng Nghị định 136/2013/NĐ-CP	2.789,00	2.789,00	
8	Kinh phí đảm bảo trật tự an toàn giao thông	142,00	142,00	
9	Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ khác	16.692,00	13.856,70	2.835,30
-	Hỗ trợ một số chế độ chính sách khác (trong đó có hỗ trợ HĐND các cấp, hỗ trợ hội đặc thù, mua sắm, sửa chữa tài sản và phần mềm..)	2.500,00	2.150,00	350,00
-	Kinh phí thực hiện thi đua khen thưởng	595,00	595,00	0,00
-	Kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã, phường, thị trấn mức tối thiểu 5 triệu đồng/xã/Ban/năm theo quy định Thông tư số 63/2017/TT-BTC ngày 19/6/2017 của Bộ Tài chính	40,00	0,00	40,00
-	Hỗ trợ kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ	323,00	323,00	0,00
-	Kinh phí chi trả ngày công dân quân tự vệ	172,00	0,00	172,00
-	Kinh phí hỗ trợ UBMTTQ thực hiện cuộc vận động toàn dân xây dựng đoàn kết xây dựng nông thôn mới	487,00	0,00	487,00
-	Kinh phí thực hiện kiến thiết thị chính	7.500,00	7.500,00	0,00
+	Kinh phí sửa chữa các tuyến đường hư hỏng nặng	3.000,00	3.000,00	0,00
+	Kinh phí thực hiện chỉnh trang đô thị duy tu hệ thống chiếu sáng	1.000,00	1.000,00	0,00
+	Nạo vét mương thoát nước các tuyến đường giao thông thị trấn Tân Sơn	2.000,00	2.000,00	0,00
+	Kinh phí thực hiện thu gom rác thải	1.500,00	1.500,00	0,00
-	Kinh phí lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2021	350,00	350,00	0,00
-	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ an Ninh - Quốc phòng	2.700,00	1.338,70	1.361,30
-	Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác	600,00	600,00	0,00
-	Kinh phí hỗ trợ người cao tuổi	281,00	0,00	281,00
-	Kinh phí thực hiện chi hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã	144,00	0,00	144,00
-	Kinh phí trang bị camera an ninh	1.000,00	1.000,00	0,00
C	Chi từ nguồn thu để lại qua ngân sách			
D	Chi chuyển nguồn sang năm sau			